

QUY ĐỊNH

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2022 và giai đoạn 2023-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /2021/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hải Dương áp dụng cho năm ngân sách 2022 và giai đoạn 2023 - 2025.

2. Đối tượng: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhiệm vụ thu, chi ngân sách trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp

Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương đảm bảo theo các nguyên tắc sau:

1. Ngân sách mỗi cấp chính quyền địa phương được phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể. Phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, trình độ quản lý của từng vùng, từng địa phương; phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

2. Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và phân bổ dự toán ngân sách giai đoạn 2022-2025 trên cơ sở kế thừa và phát huy những kết quả đã đạt được của thời kỳ 2017-2021. Tiếp tục tăng cường phân cấp nguồn thu gắn liền nhiệm vụ chi và trách nhiệm quản lý của từng cấp chính quyền địa phương.

3. Đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh trong hệ thống ngân sách chính quyền địa phương.

4. Ngân sách cấp xã được phân chia nguồn thu từ các khoản: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh; thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình; lệ phí trước bạ nhà, đất.

5. Ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

6. Thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách và số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới trên cơ sở bảo đảm công bằng, phát triển cân đối giữa các huyện, thị xã, thành phố, giữa các xã, phường, thị trấn.

7. Kết thúc năm ngân sách, trường hợp ngân sách cấp huyện, cấp xã hụt thu so với dự toán do nguyên nhân khách quan, sau khi đã thực hiện điều chỉnh giảm một số khoản chi theo quy định và sử dụng các nguồn lực tài chính hợp pháp khác của ngân sách cùng cấp mà chưa bảo đảm được cân đối ngân sách thì ngân sách cấp trên hỗ trợ ngân sách cấp dưới theo khả năng của ngân sách cấp trên.

8. Thường vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện:

a) Trường hợp ngân sách cấp tỉnh tăng thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp tỉnh trích một phần theo tỷ lệ không quá 20% của số tăng thu còn lại sau khi dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định hiện hành để thưởng cho các địa phương có tăng thu, nhưng không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về việc thưởng vượt thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương;

c) Căn cứ vào mức thưởng do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định sử dụng số thưởng vượt thu được hưởng để đầu tư xây dựng các chương trình, dự án kết cấu hạ tầng, thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, thưởng cho ngân sách cấp dưới;

9. Chỉ ngân sách cấp tỉnh được bội chi; bội chi ngân sách cấp tỉnh chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Chương II **PHÂN CẤP NGUỒN THU**

Điều 3. Nguồn thu ngân sách các cấp hưởng 100%

1. Ngân sách trung ương (*theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước*)
2. Ngân sách cấp tỉnh

- a) Thu tiền sử dụng đất chuyên dùng, đất trụ sở, đất thuộc tài sản công do cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh quản lý, thực hiện đấu giá chuyên mục đích sử dụng đất;
- b) Thuế tài nguyên thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Công ty cổ phần thép Hòa phát Hải Dương, Công ty cổ phần năng lượng Hòa phát, các đơn vị hoạch toán toàn ngành;
- c) Lệ phí môn bài thu từ các doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh, doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý do Cục thuế quản lý thu;
- d) Các khoản thu phí, lệ phí (*trừ lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản*) do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý;
- e) Thu bán tài sản nhà nước do đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý;
- g) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc địa phương xử lý;
- h) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;
- i) Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý;
- k) Huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật thuộc ngân sách cấp tỉnh;
- l) Thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh;
- m) Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật;
- n) Thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp thuộc ngân sách tỉnh;
- o) Thu từ phạt vi phạm hành chính, tiền phạt do chậm thi hành quyết định xử phạt do cơ quan nhà nước cấp tỉnh ra quyết định xử phạt;
- p) Thu từ xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính do cơ quan nhà nước cấp tỉnh ra quyết định xử phạt;
- q) Thu hồi vốn thuộc ngân sách địa phương quản lý (*bao gồm cả gốc và lãi*);
- r) Thu tiền bồi thường cho nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai thuộc cấp tỉnh quản lý;
- s) Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;

t) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật của đơn vị thuộc tỉnh quản lý;

u) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh;

v) Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang;

x) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;

y) Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung mục tiêu từ ngân sách Trung ương.

3. Ngân sách huyện, thị xã, thành phố (*gọi chung là ngân sách cấp huyện*).

a) Thu tiền sử dụng đất đối với các dự án để đầu tư các công trình trọng điểm giao cho cấp huyện làm chủ đầu tư đáp ứng tiêu chí theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Thuê sử dụng đất nông nghiệp thu từ các doanh nghiệp;

c) Lệ phí môn bài thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh do Chi cục thuế khu vực quản lý thu trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố (*trừ cá nhân, hộ kinh doanh*); thu từ cá nhân, hộ kinh doanh trên địa bàn phường;

d) Các khoản thu phí, lệ phí (*trừ lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài, thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải, khai thác khoáng sản*) do các cơ quan, đơn vị huyện, thị xã, thành phố quản lý thu;

e) Thu bán tài sản nhà nước do đơn vị thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý;

g) Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do đơn vị thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý;

h) Huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật thuộc ngân sách huyện, thị xã, thành phố;

i) Thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố;

k) Thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

l) Thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp thuộc ngân sách huyện, thị xã, thành phố;

m) Thu từ phạt vi phạm hành chính, tiền phạt do chậm thi hành quyết định xử phạt do cơ quan nhà nước cấp huyện ra quyết định xử phạt;

n) Thu từ xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính do cơ quan nhà nước cấp huyện ra quyết định xử phạt;

o) Thu tiền bồi thường cho nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý;

p) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật của đơn vị thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý;

- q) Thu kết dư ngân sách cấp huyện;
 - r) Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp huyện từ năm trước chuyển sang;
 - s) Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh.
4. Ngân sách xã, phường, thị trấn (*gọi chung là ngân sách cấp xã*).
- a) Thu tiền sử dụng đất dôi dư;
 - b) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị thu trên địa bàn các xã, thị trấn;
 - c) Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình;
 - d) Lệ phí trước bạ nhà đất thu trên địa bàn xã, thị trấn;
 - e) Lệ phí môn bài thu hộ cá nhân, hộ kinh doanh thuộc địa bàn xã, thị trấn;
 - g) Các khoản thu phí, lệ phí (*trừ lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản*) do các cơ quan, đơn vị xã, phường, thị trấn quản lý thu;
 - h) Thu bán tài sản nhà nước do đơn vị thuộc xã, phường, thị trấn quản lý;
 - i) Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do đơn vị thuộc xã, phường, thị trấn quản lý;
 - k) Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác;
 - l) Huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật thuộc ngân sách xã, phường, thị trấn;
 - m) Thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách xã, phường, thị trấn;
 - n) Thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp thuộc ngân sách xã, phường, thị trấn;
 - o) Thu từ phạt vi phạm hành chính, tiền phạt do chậm thi hành quyết định xử phạt do cơ quan nhà nước cấp xã ra quyết định xử phạt;
 - p) Thu từ xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính do cơ quan nhà nước cấp xã ra quyết định xử phạt;
 - q) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật của đơn vị thuộc xã, phường, thị trấn quản lý;
 - r) Thu tiền bồi thường cho nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai thuộc xã, phường, thị trấn quản lý;
 - s) Thu kết dư ngân sách cấp xã;
 - t) Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang;
 - u) Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên.

Điều 4. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa các cấp ngân sách

1. Thu tiền sử dụng đất từ đấu giá; đấu thầu; đất tái định cư; đất do cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý, thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất (*trừ thu tiền sử dụng đất từ đấu giá Trụ sở Phòng Tài chính - Kế hoạch, trụ sở Phòng Giáo dục và Đào tạo, trụ sở Đài Phát thanh huyện Tứ Kỳ*); đất được chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất (*hộ gia đình, cá nhân*);

2. Thuế giá trị gia tăng (*trừ thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu*);

3. Thuế thu nhập doanh nghiệp;

4. Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước;

5. Thuế tài nguyên thu từ doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý; khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (*trừ Công ty cổ phần thép Hòa phát Hải Dương, Công ty cổ phần năng lượng Hòa phát, các đơn vị hoạch toán toàn ngành*);

6. Thuế thu nhập cá nhân;

7. Thuế bảo vệ môi trường (*phần ngân sách địa phương được hưởng*);

8. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị thu trên địa bàn phường và đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, đất phi nông nghiệp khác;

9. Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

10. Lệ phí trước bạ nhà đất thu trên địa bàn phường;

11. Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy và các phương tiện khác;

12. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

(có Phụ lục kèm theo)

**Chương III
PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI**

Điều 5. Nhiệm vụ chi của Ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản: Đầu tư xây dựng các chương trình, dự án do cấp tỉnh quản lý; các công trình do trung ương quản lý theo chủ trương của cấp có thẩm quyền;

b) Đầu tư phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh. Đầu tư của Nhà

nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư. Đầu tư phục vụ công tác lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

c) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phục lợi xã hội, các tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính theo qui định của pháp luật. Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định;

d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác do tỉnh quản lý theo qui định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị do cấp tỉnh quản lý trong các lĩnh vực:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề bao gồm giáo dục phổ thông trung học; các hoạt động giáo dục khác do tỉnh quản lý, các đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục - đào tạo và dạy nghề khác khỏi tỉnh; đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác do cấp tỉnh quản lý;

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ;

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định riêng của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;

e) Sự nghiệp văn hóa thông tin;

g) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;

h) Sự nghiệp thể dục thể thao;

i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

k) Các hoạt động kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; giao thông; quy hoạch; thương mại, du lịch; các hoạt động kinh tế khác do cấp tỉnh quản lý;

l) Hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên công sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân ở cấp tỉnh;

m) Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp ở tỉnh theo qui định của pháp luật;

n) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện chính sách xã hội theo quy định của pháp luật do tỉnh quản lý;

o) Các khoản chi thường xuyên khác do cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do cấp tỉnh vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

5. Chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

6. Chi chuyển nguồn sang năm sau ngân sách cấp tỉnh.

Điều 6. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản: Đầu tư xây dựng các chương trình, dự án do cấp huyện quản lý; đầu tư phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, xã các công trình do cấp trên quản lý theo chủ trương của cấp có thẩm quyền;

b) Các khoản chi đầu tư phát triển khác do cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị do cấp huyện quản lý trong các lĩnh vực:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo bao gồm Mẫu giáo, nhóm trẻ, giáo dục tiểu học, trung học cơ sở; Các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện; Các hoạt động giáo dục, đào tạo khác do huyện quản lý;

b) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

c) Sự nghiệp y tế;

d) Sự nghiệp văn hóa thông tin;

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;

g) Sự nghiệp thể dục thể thao;

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

i) Các hoạt động kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; giao thông; tài nguyên; quy hoạch; thương mại, du lịch; hoạt động kiến thiết thị chính, các hoạt động kinh tế khác do cấp huyện quản lý;

k) Hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên công sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân ở cấp huyện;

l) Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp ở huyện theo qui định của pháp luật;

m) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện chính sách xã hội theo quy định của pháp luật do cấp huyện quản lý;

n) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

4. Chi chuyển nguồn sang năm sau ngân sách cấp huyện.

Điều 7. Nhiệm vụ chi của Ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản: Đầu tư xây dựng các chương trình, dự án do cấp xã quản lý; các công trình do cấp trên quản lý theo chủ trương của cấp có thẩm quyền;

b) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp, viện trợ của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án theo qui định của pháp luật do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý;

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo qui định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên do cấp xã quản lý

a) Chi sự nghiệp giáo dục;

b) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở cấp xã;

c) Sự nghiệp văn hóa thông tin;

d) Sự nghiệp phát thanh, truyền thanh;

e) Sự nghiệp thể dục thể thao;

g) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

h) Sự nghiệp y tế: Hỗ trợ phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn xã;

i) Các hoạt động kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; giao thông; tài nguyên; quy hoạch; thương mại, du lịch và các hoạt động kinh tế khác do cấp xã quản lý;

k) Hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên công sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân ở cấp xã;

l) Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp ở xã theo qui định của pháp luật;

m) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện chính sách xã hội theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý;

n) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật;

3. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các ngành, cơ quan có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao để tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 9. Thời gian thực hiện: từ niên độ ngân sách 2022 và giai đoạn ngân sách 2023 - 2025./.

CHỦ TỊCH

Phạm Xuân Thắng